

Bản án số: 81/2024/DS-PT

Ngày: 23/4/2024

V/v tranh chấp hợp

đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Công Phương.
- *Các Thẩm phán:* Ông Thái Văn Hà.

Bà Nguyễn Thị Hoài Xuân.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Hùng Cường là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tú Oanh- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2024/TLPT-DS ngày 30 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 181/2023/DS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 53/2024/QĐ-PT ngày 01 tháng 03 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phạm Đức D, sinh năm 1991; địa chỉ: Số nhà F đường Đ, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

2. *Bị đơn:* Vợ chồng ông Lê Hoài V và bà Nguyễn Đức Phương T; cùng cư trú tại: Thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông Lê Hoài V và bà Nguyễn Đức Phương T: Ông Trần Huy T1; cư trú tại: E L, tổ A, khu V, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định là đại diện theo uỷ quyền (Theo Giấy uỷ quyền ngày 10/7/2023 và ngày 05/3/2024); có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Thị Hương G; cư trú tại: D L, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh;

- Bà Nguyễn Thị Thanh H; cư trú tại: Số nhà F đường Đ, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Hương G:* Bà Nguyễn Thị Thanh H; cư trú tại: F Đ, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh là đại diện theo uỷ quyền (Theo Giấy uỷ quyền ngày 18 tháng 9 năm 2023); có mặt.

- Công ty CP Đ.

Địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

- *Đại diện theo pháp luật:* Ông Lê Hoài V - Giám đốc.

- *Đại diện hợp pháp của Công ty Đ:* Ông Trần Huy T1; cư trú tại: E L, tổ A, khu V, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định là đại diện theo uỷ quyền (Theo Giấy uỷ quyền ngày 10 tháng 7 năm 2023); có mặt.

- Công ty TNHH C.

Địa chỉ: F Đ, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Hương G - Giám đốc.

Đại diện hợp pháp của Công ty TNHH C: Bà Nguyễn Thị Thanh H; cư trú tại: F Đ, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh là đại diện theo uỷ quyền (Theo Giấy uỷ quyền ngày 18 tháng 9 năm 2023); có mặt.

- Văn phòng Công chứng Nguyễn Văn V1.

Địa chỉ: Khu phố D, thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định.

Đại diện hợp pháp của Văn phòng C1 Nguyễn Văn V1: Ông Nguyễn Văn V1; cư trú tại: Khu phố D, thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định - Trưởng Văn phòng là đại diện theo pháp luật; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Lê Hoài V và bà Nguyễn Đức Phương T là đơn trong vụ án.

- *Kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Phạm Đức D trình bày:

Ông là chồng của bà Nguyễn Thị Hương G; bà Nguyễn Thị Thanh H là mẹ vợ của ông. Giữa bà H và vợ chồng ông Lê Hoài V, bà Nguyễn Đức Phương T có mối quan hệ quen biết nhau nên ông cũng quen biết vợ chồng ông V, bà T. Theo gợi ý của bà H và đề nghị vay tiền cùng lời hứa hẹn của vợ chồng ông V, bà T sẽ truyền nghề sản xuất món ăn đặc sản tỉnh Bình Định, cùng ông hợp tác sản xuất, kinh doanh mặt hàng đặc sản Bình Định tại thành phố Hồ Chí Minh. Do tính đến ngày 01/3/2022, vợ chồng ông V, bà T còn nợ của bà H số tiền 1.157.000.000 đồng nên vợ chồng ông V, bà T cùng với bà H và ông thoả thuận ông có nghĩa vụ thay vợ chồng ông V trả cho bà H số tiền 1.000.000.000 đồng mà vợ chồng ông V, bà T còn nợ của bà H, đồng thời ông cho vợ chồng ông V,

bà T vay số tiền 1.000.000.000 đồng để vợ chồng ông V, bà T trả nợ tiền vay cho người khác, đầu tư kinh doanh. Sau khi thống nhất, thỏa thuận trên, vào ngày 01/3/2022 vợ chồng ông V, bà T và ông ký kết hợp đồng cho vay tiền được Công chứng viên Văn phòng công chứng Nguyễn Văn V1 chứng nhận số 732, quyển số 01/2022/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/3/2022, với nội dung vợ chồng ông V, bà T vay của ông số tiền 2.000.000.000 đồng với mức lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay là 05 tháng tính từ ngày hai bên ký kết hợp đồng; phương thức thanh toán trả một lần số tiền vay gốc khi hết thời hạn vay và trả tiền lãi suất theo tháng. Sau khi ký kết hợp đồng trên ông chuyển cho vợ chồng ông V, bà T số tiền 1.000.000.000 đồng và ông đã trả cho bà H số tiền 1.000.000.000 đồng như các bên đã thỏa thuận. Sau khi vay số tiền trên vợ chồng ông V, bà T đã trả cho ông được 75.000.000 đồng tiền lãi trong hạn chứ chưa trả số tiền vay gốc nêu trên. Số tiền mà ông cho vợ chồng ông V, bà T vay là tài sản riêng của ông. Nay ông khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Lê Hoài V, bà Nguyễn Đức Phương T có nghĩa vụ trả cho ông số tiền 2.000.000.000 đồng vay gốc, tiền lãi trong hạn còn nợ 25.000.000 đồng, tiền lãi quá hạn với mức lãi suất 1,5%/tháng từ ngày 02 tháng 8 năm 2022 đến ngày xét xử sơ thẩm. Vợ chồng ông V, bà T cho rằng hợp đồng vay tiền trên là vô hiệu do giả tạo là không đúng, vì giữa ông và vợ chồng ông V, bà T không có thỏa thuận ông góp số tiền 2.000.000.000 đồng trên với vợ chồng ông V, bà T để hợp tác kinh doanh với nhau mà ông cho vợ chồng ông V, bà T vay số tiền nêu trên như ông đã trình bày.

Đại diện hợp pháp của ông Lê Hoài V là ông Trần Huy T1 trình bày:

Ông Lê Hoài V là chồng của bà Nguyễn Đức Phương T. Ông Lê Hoài V là Giám đốc Công ty CP Đ. Giữa vợ chồng V, bà T và ông Phạm Đức D có mối quan hệ hợp đồng hợp tác kinh doanh mặt hàng đặc sản Bình Định thông qua bà Nguyễn Thị Thanh H là mẹ vợ của ông D vì trong thời gian từ năm 2016 đến năm 2021 vợ chồng ông V, bà T có thuê mặt bằng của bà H tại thành phố Hồ Chí Minh để kinh doanh. Sau thời gian dài do ảnh hưởng của dịch bệnh nên việc kinh doanh mặt hàng món ăn đặc sản Bình Định tại mặt bằng thuê của bà H không đạt doanh thu mong muốn nên bà H giao cho ông D gặp vợ chồng ông V, bà T để bàn bạc, thỏa thuận lại phương thức kinh doanh mới. Vào ngày 01/03/2022, sau khi thống nhất thỏa thuận giữa vợ chồng ông V, bà T và ông D đã xác định cùng hợp tác kinh doanh với nội dung chia làm hai giai đoạn như sau: Giai đoạn 1, giao cho ông D phụ trách quản lý kinh doanh trên địa điểm quán nem chả chợ Huyện Olala tại mặt bằng của bà H, trong đó có phần cơ sở hạ tầng do vợ chồng ông V, bà T đã đầu tư thời gian trước trị giá 500.000.000 đồng; vợ chồng ông V, bà T có trách nhiệm nâng cấp cơ sở hạ tầng để hoàn thiện hơn địa điểm kinh doanh với chi phí đầu tư thêm là 175.000.000 đồng và bàn giao quán cho ông D phụ trách quản lý kinh doanh với hình thức nhượng quyền thương hiệu, đầu vào nguyên liệu phục vụ cho việc kinh doanh do vợ chồng ông V, bà T cung cấp, lợi nhuận sau khi hoạch toán được chia theo tỉ lệ 50/50. Ông D có trách nhiệm chuyển cho ông V số tiền đầu tư ban đầu là 1.000.000.000 đồng, số tiền này sẽ trừ dần vào giá trị hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong quá trình hoạt động. Giai đoạn 2, giao cho vợ chồng ông V, bà T có trách nhiệm thành lập mô hình hợp tác xã sản xuất nem chả Chợ Huyện trên địa

điểm quán nem chả Chợ H1 Olala tại mặt bằng của bà H để cung cấp nguyên liệu đầu vào trực tiếp cho quán và giao cho ông D quản lý bán hàng, ông D đầu tư giai đoạn 2 số tiền là 1.000.000.000 đồng, lợi nhuận sau khi hoạch toán được chia theo tỷ lệ 50/50. Để nhận được khoản đầu tư tiền mặt như trên, ông D yêu cầu vợ chồng ông V, bà T phải giao kết hợp đồng vay tiền tại Văn phòng Công chứng để đảm bảo cho số tiền vốn ông D bỏ ra cho cả hai giai đoạn. Ngày 01 tháng 3 năm 2022 tại Văn phòng C1 hai bên đã giao kết hợp đồng cho vay tiền với số tiền vay trong hợp đồng là 2.000.000.000 đồng, điều khoản thỏa thuận là việc giao nhận tiền do hai bên tự thực hiện ngoài sự chứng kiến của công chứng viên và chịu trách nhiệm trước pháp luật. Sau khi giao kết hợp đồng này, ông D có chuyển số tiền 1.000.000.000 đồng vào tài khoản của ông V để đầu tư giai đoạn 1. Sau khi thỏa thuận, việc hợp tác kinh doanh giữa hai bên chỉ thực hiện được khoảng vài ba tháng thì ông D tự ý sang lại quán cho người khác mà không bàn bạc hay thông qua ý kiến của vợ chồng ông V, bà T nên hai bên không còn tiếp tục hợp tác kinh doanh như thỏa thuận ban đầu. Việc vợ chồng ông V, bà T và ông D thỏa thuận hợp tác kinh doanh với nhau giữa cá nhân ông D và vợ chồng ông V, bà T chứ không liên quan đến ai khác. Việc thỏa thuận này chỉ là thỏa thuận bằng miệng chứ không lập văn bản. Vì vợ chồng ông V, bà T ký hợp đồng cho vay tiền được Công chứng viên Văn phòng công chứng Nguyễn Văn V1 chứng nhận số 732, quyển số 01/2022/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01 tháng 3 năm 2022 nhằm che dấu hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh nên hợp đồng cho vay tiền trên là vô hiệu. Ông V chỉ đồng ý thanh toán lại cho ông D số tiền 1.000.000.000 đồng nhưng trừ đi số tiền 675.000.000 đồng mà vợ chồng ông V, bà T đã đầu tư kinh doanh, còn lại số tiền 325.000.000 đồng. Nhưng việc ông D tự ý chấm dứt hợp đồng ảnh hưởng đến thương hiệu, uy tín kinh doanh của vợ chồng ông V, bà T nên nay ông V chỉ đồng ý trả lại cho ông D $\frac{1}{2}$ số tiền 325.000.000 đồng là 162.500.000 đồng. Việc bà H và ông D cho rằng vợ chồng ông V, bà T cùng với bà H và ông D thỏa thuận vợ chồng ông V, bà T vay số tiền 2.000.000.000 đồng của ông D với mục đích ông D trả cho bà H số tiền 1.000.000.000 đồng thay cho vợ chồng ông V, bà T; số tiền 1.000.000.000 đồng còn lại vợ chồng ông V, bà T vay để kinh doanh là không đúng sự thật. Tại phiên tòa sơ thẩm ông T1 cho rằng vợ chồng ông V, bà T có nợ khoản tiền nào của bà H không thì ông không biết; ông V trình bày ý kiến về hợp đồng cho vay tiền trên vô hiệu để không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chứ ông V không có yêu cầu phản tố về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng cho vay tiền trên vô hiệu nên ông V và ông không làm thủ tục yêu cầu phản tố theo quy định.

Bị đơn bà Nguyễn Đức Phương T trình bày:

Bà là vợ của ông Lê Hoài v nên bà có biết giữa ông V và ông Phạm Đức D có mối quan hệ hợp đồng hợp tác kinh doanh mặt hàng đặc sản Bình Định thông qua bà H là mẹ vợ của ông D vì trong thời gian 2016 đến năm 2021 ông V có thuê mặt bằng của bà H tại thành phố Hồ Chí Minh để kinh doanh. Ngày 01 tháng 3 năm 2022, tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Văn V1 giữa vợ chồng bà và ông Phạm Đức D đã giao kết Hợp đồng vay tiền với số tiền vay trong hợp đồng là 2.000.000.000 đồng nhằm mục đích cùng đầu tư kinh doanh mặt hàng đặc sản nem chả Chợ H2. Việc giao nhận tiền vay theo hợp đồng đã ký thì bà

không biết và không thấy ông D giao tiền cho vợ chồng bà. Nay ông Phạm Đức D yêu cầu vợ chồng bà có nghĩa vụ trả cho ông D số tiền 2.000.000.000 đồng gốc cùng tiền lãi phát sinh theo hợp đồng là hoàn toàn không có căn cứ. Bởi lẽ, giao dịch giữa vợ chồng bà và ông D tại hợp đồng công chứng là giao dịch giả tạo nhằm đảm bảo việc thực hiện giao dịch khác, sau khi bà và ông V ký hợp đồng với ông D thì bà không biết ông V có nhận được tiền vay theo đúng hợp đồng hay không, số tiền thực nhận là bao nhiêu, sử dụng vào mục đích gì. Vì không thấy có khoản tiền nào được sử dụng cho mục đích chung của vợ chồng bà nên bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D. Với các căn cứ như đã nêu trên, bà đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước xem xét, giải quyết tuyên vô hiệu Hợp đồng cho vay tiền giữa vợ chồng bà và ông D đã giao kết ngày 01 tháng 3 năm 2022 tại Văn phòng C1 để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự theo đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

Bà là mẹ vợ của ông Phạm Đức D. Vợ chồng ông Lê Hoài V, bà Nguyễn Đức Phương T quen biết với bà vì ông V, bà T là người thuê nhà, đất của bà tại thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2021, hợp đồng thuê nhà, đất ký với nhau lần cuối cùng vào ngày 01/11/2020 thời hạn thuê đến ngày 28/02/2022 nhưng vào ngày 29/05/2021 ông V nhắn tin báo cho bà biết ông Vũ đ quán không kinh doanh nữa và trả nhà cho bà nhưng ông V không vào bàn giao nhà và không thanh toán tiền điện, tiền nước. Ngày/09/6 /2021, bà đã tính toán lại toàn bộ số tiền mà vợ chồng ông V, bà T còn nợ của bà là 1.157.000.000 đồng và bà đã thông báo cho vợ chồng ông V biết. Vào đầu năm 2022, ông V nhiều lần gọi điện thoại năn nỉ nhờ bà vay giúp cho ông V số tiền 2.000.000.000 đồng để ông V trả nợ, đầu tư kinh doanh cùng với lời hứa vợ chồng ông V, bà T sẽ sang tên giấy chứng nhận nhà đất của vợ chồng ông V, bà T cho bà hoặc ông D đứng tên; vợ chồng ông V vay được tiền kinh doanh hợp tác xã sẽ trả đủ tiền vay, tiền nợ, tiền lãi hàng tháng và hứa sẽ hợp tác với bà và ông D cùng kinh doanh đặc sản Bình Định tại thành phố Hồ Chí Minh, cùng hợp tác mở chi nhánh hợp tác xã S tại nhà của bà. Cuối tháng 02/2022, bà và ông D ra nhà vợ chồng ông V, bà T ở huyện T thì vợ chồng ông V, bà T cùng với bà và ông D thoả thuận ông D có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 1.000.000.000 đồng mà vợ chồng ông V, bà T còn nợ của bà; ông D giao cho vợ chồng ông V, bà T 1.000.000.000 đồng. Sau khi các bên trao đổi và đi đến thống nhất, ngày 01/03/2022, ông D và vợ chồng ông V, bà T ký kết hợp đồng cho vay tiền được công chứng. Sau khi ký kết hợp đồng trên, ông D đã giao cho vợ chồng ông V, bà T số tiền 1.000.000.000 đồng; ông D đã trả cho bà đủ số tiền 1.000.000.000 đồng.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hương G (bà G đồng thời là đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH C), là bà Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

Bà Nguyễn Thị Hương G là con ruột của bà H, ông Phạm Đức D là chồng của bà G. Việc ông Lê Hoài V và bà Nguyễn Đức Phương T vay số tiền 2.000.000.000 đồng theo hợp đồng cho vay tiền số 732 lập ngày 01 tháng 03

năm 2022 tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Văn V1 là sự thoả thuận giữa bà H và ông D là người trực tiếp trao đổi mọi việc có liên quan với vợ chồng ông V, bà T. Việc vay mượn tiền này hoàn toàn không liên quan gì tới Công ty TNHH C do bà G là người đại diện hợp pháp. Ông Lê Hoài V không đầu tư vào nhà hàng của bà G, bà G mua hàng của vợ chồng ông V đến đâu trả tiền đến đó. Nhà hàng 303 do bà G chi phí đầu tư toàn bộ. Ông V không tham gia nhiệm vụ gì, không có hợp đồng nào đóng góp, thoả thuận việc kinh doanh nhà hàng 303 mà do gia đình bà G kinh doanh riêng không liên quan gì tới ông V. Gia đình bà G sử dụng thương hiệu nhà hàng 303 để kinh doanh tại nhà; địa chỉ C đường Đ, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh với tên gọi Nhà hàng 303, bán đặc sản ba miền như giấy phép kinh doanh kèm theo, đặc sản Bình Định chỉ là một trong nhiều mặt hàng trong nhà hàng 303 của bà G. Quan hệ giữa bà G là đại diện cho Công ty C với vợ chồng ông V hay Công ty của ông V chỉ là quan hệ bạn hàng, chứ không phải là quan hệ hợp tác kinh doanh với nhau. Tại phiên toà sơ thẩm, bà H là người đại diện hợp pháp cho bà G xác định số tiền 2.000.000.000 đồng mà ông D cho vợ chồng ông V, bà T vay là tài sản riêng của ông D.

Đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng Nguyễn Văn V1 trình bày:

Vào ngày 01/3/2022, Văn phòng công chứng Nguyễn Văn V1 có chứng nhận hợp đồng vay tài sản số 732, quyền số 01/2022/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01 tháng 3 năm 2022 giữa bên vay là ông Lê Hoài V, bà Nguyễn Đức Phương T và bên cho vay là ông Phạm Đức D. Việc thực hiện công chứng hợp đồng nêu trên là đúng theo quy định của pháp luật, yêu cầu Toà án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 181/2023/DS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Đức D.
2. Buộc vợ chồng ông Lê Hoài V, bà Nguyễn Đức Phương T có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Đức D số tiền 2.525.000.000 đồng (trong đó bao gồm 2.000.000.000 đồng tiền vay gốc, 25.000.000 đồng tiền lãi trong hạn, 500.000.000 đồng tiền lãi nợ quá hạn).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 04 tháng 01 năm 2024, bị đơn vợ chồng ông Lê Hoài V và bà Nguyễn Đức Phương T kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm tuyên vô hiệu hợp đồng cho vay tiền 2.000.000.000 đồng, giữa vợ ông với ông D đã giao kết 01/03/2022.

Ngày 04 tháng 01 năm 2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định ra Quyết định kháng nghị số: 01/QĐ-VKS-DS. Đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông V, bà T trả cho ông D số tiền 1.000.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo đúng quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về Tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước và không chấp nhận kháng cáo của vợ chồng ông V, bà T, sửa một phần Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của vợ chồng ông Lê Hoài V, bà Nguyễn Đức Phương T, HĐXX thấy rằng: Vợ chồng ông V, bà T thừa nhận rằng giữa vợ chồng họ và ông Phạm Đức D có quan hệ hợp đồng hợp tác kinh doanh mặt hàng đặc sản Bình Định thông qua bà Nguyễn Thị Thanh H là mẹ vợ của ông D, vì trong thời gian từ năm 2016 đến năm 2021 vợ chồng ông V, bà T có thuê mặt bằng của bà H tại thành phố Hồ Chí Minh để kinh doanh nên ngày 01/3/ 2022, vợ chồng ông V, bà T mới ký kết Hợp đồng cho vay tiền của ông D, theo đó vợ chồng ông V, bà T vay của ông D số tiền 2.000.000.000 đồng, mức lãi suất trong hạn 1%/tháng, thời hạn vay là 05 tháng tính từ ngày hai bên ký kết hợp đồng, hợp đồng được Công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Văn V1 chứng nhận số 732, quyền số 01/2022/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/3/ 2022. Vợ chồng ông V, bà T cho rằng hợp đồng vay tài sản nêu trên là hợp đồng giả tạo dùng để che dấu hợp đồng hợp tác kinh doanh (hợp đồng miệng) giữa ông D và vợ chồng ông V, bà T, nhưng lời trình bày của vợ chồng ông V, bà T không được ông D thừa nhận và vợ chồng ông V, bà T cũng không có chứng cứ gì để chứng minh. Hơn nữa, Điều 504 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “1. Hợp đồng hợp tác là sự thỏa thuận giữa các cá nhân, pháp nhân về việc cùng đóng góp tài sản, công sức để thực hiện công việc nhất định, cùng hưởng lợi và cùng chịu trách nhiệm. 2. Hợp đồng hợp tác phải được lập thành văn bản.”. Do đó, cho dù thực tế hai bên có thỏa thuận hợp tác kinh doanh, nhưng không được xác lập bằng văn bản thì cũng không được pháp luật công nhận. Mặt khác, ông V còn thừa nhận trong quá trình thuê nhà của bà Nguyễn Thị Thanh H để kinh doanh, ông có nợ tiền của bà H nhưng đã trả xong, còn bà T thì cho rằng việc nợ nần, vay mượn giữa ông V và mẹ con bà H, ông D thì bà không biết, không liên quan, nhưng trong quá trình làm việc bà đều thừa nhận bà biết việc ông V thuê nhà của bà H để kinh doanh và thừa nhận vợ chồng bà có quan hệ hợp tác làm ăn kinh doanh với ông D. Như vậy, việc ông V thuê nhà để kinh doanh là vì mục đích làm kinh tế chung cho gia đình nên bà T phải có quyền lợi hoặc nghĩa vụ trong quá trình kinh doanh của ông V nên bà mới ký xác nhận vào hợp đồng vay tiền ngày 01/3/2022. Vì vậy, kháng cáo của vợ chồng ông V, bà T là không có cơ sở nên không được HĐXX chấp nhận.

[2] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, HĐXX thấy rằng: Điều 370 của bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “1. Bên có nghĩa vụ có thể chuyển giao nghĩa vụ cho người thế nghĩa vụ nếu được bên có quyền đồng ý, trừ trường hợp nghĩa vụ gắn liền với nhân thân của bên có nghĩa vụ hoặc pháp luật có quy định không được chuyển giao nghĩa vụ. 2. Khi được chuyển giao nghĩa vụ thì người thế nghĩa vụ trở

thành bên có nghĩa vụ.”. Ông D và bà H thống nhất trong quá trình thuê nhà của bà H để kinh doanh, vợ chồng ông V, bà T có nợ của bà H 1.157.000.000 đồng và ông V sẽ chuyển giao nghĩa vụ cho ông D trả cho bà H 1.000.000.000 đồng, đồng thời ông D cho vợ chồng ông V vay thêm 1.000.000.000 đồng để kinh doanh. Tuy nhiên, vợ chồng ông V, bà T không đồng ý việc vợ chồng họ chuyển giao nghĩa vụ trả nợ cho ông D, ông D, bà H cũng không có chứng cứ gì chứng minh. Hơn nữa, ông D cũng thừa nhận chỉ chuyển cho ông V 1.000.000.000 đồng và bà H cũng không có yêu cầu độc lập yêu cầu giải quyết việc nợ nần giữa bà và vợ chồng ông V, bà T nên cấp sơ thẩm buộc vợ chồng ông V, bà T phải trả cho ông D 2.000.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi theo hợp đồng vay ngày 01/3/ 2022 là không có cơ sở. Như vậy, việc nợ nần giữa bà H và vợ chồng ông V, bà T là việc riêng của họ và sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu khởi kiện. Xét thấy kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận. Sửa một phần Bản án sơ thẩm, cụ thể như sau: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông D. Buộc vợ chồng ông V, bà T phải thanh toán cho ông D 1.262.500.000 đồng (trong đó có 1.000.000.000 đồng nợ gốc, 12.500.000 đồng lãi trong hạn và 250.000.000 đồng lãi quá hạn).

[3] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147, 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 26, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, thì vợ chồng ông V, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện của ông D được Tòa án chấp nhận. Ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện không được Tòa án chấp nhận. Vợ chồng ông V, bà T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm cũng như về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ điểm vào các Điều 370, 385, 401, 398, 463, 466, 468, 470, 504 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 37 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

Căn cứ khoản 4 Điều 26, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của vợ chồng ông Lê Hoài V và bà Nguyễn Đức Phương T. Chấp nhận toàn bộ kháng nghị số: 01/QĐ-VKS-DS ngày 04 tháng 01 năm 2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy

Phước, tỉnh Bình Định. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 181/2023/DS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Đức D.

2. Buộc vợ chồng ông Lê Hoài V và bà Nguyễn Đức Phương T phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Phạm Đức D 1.262.500.000 đồng (trong đó có 1.000.000.000 đồng nợ gốc, 12.500.000 đồng lãi trong hạn và 250.000.000 đồng lãi quá hạn).

3. Tách việc vay, nợ giữa bà Nguyễn Thị Thanh H và vợ chồng ông Lê Hoài V và bà Nguyễn Đức Phương T để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu khởi kiện.

4. Về án phí:

4.1 Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phạm Đức D phải chịu 46.875.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào 38.600.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu số: 0001647 ngày 26/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định. Ông Phạm Đức D còn phải nộp 11.260.000 đồng.

- Vợ chồng ông Lê Hoài V và bà Nguyễn Đức Phương T phải nộp 46.875.000 đồng.

4.2 Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả lại cho vợ chồng ông Lê Hoài V và bà Nguyễn Đức Phương T mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo các Biên lai thu số: 0001458 và 0001459 ngày 08/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

5. Quyền, nghĩa vụ thi hành án:

5.1 Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (22/12/2023) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

5.2 Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
THẨM

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện Tuy Phước;
- Chi cục THADS huyện T;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa dân sự.

Võ Công Phương

Nơi nhận:

THẨM

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện Tuy Phước;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Công Phương

**THÀNH VIÊN HĐXX
TÒA**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

Nguyễn Thị Hoài Xuân Thái Văn Hà

Võ Công Phương